Phụ lục 66
BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ CHÂU PHONG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
1	**Đất ở nông thôn tại trung tâm (cầu Phú Vĩnh - đường vào trạm Y tế)**	2.538	
2	**Đất ở nông thôn tại trung tâm (Lê Chánh)**	2.030	
3	**Đất ở nông thôn tại trung tâm (Châu Phong)**	1.015	
*	**Đất ở nông thôn tại trung tâm chợ**		
4	**Chợ Phú Vĩnh**	5.076	
5	**Chợ Lê Chánh**	2.030	
6	**Chợ Châu Phong**	1.015	
7	**Tỉnh lộ 953**		
	- Đường vào Trạm y tế - Cầu ông Chủ	1.126	
	- Cầu ông Chủ - Cầu Vàm Kênh Vĩnh An	958	
	- Đoạn phà Châu Giang cũ - Cầu Vàm kênh Vĩnh An	1.404	
8	**Đường tỉnh 951:** đoạn từ đường tỉnh 953 đến giáp ranh xã Phú Hiệp	624	
9	**Đường liên kết vùng (Quốc lộ N1):** từ ranh xã Long Phú - Đường dẫn Cầu Châu Đốc	2.014	Bổ sung
10	**Đường dẫn Cầu Châu Đốc:** Từ Cầu Châu Đốc - Đường tỉnh 953	2.260	Bổ sung
*	**Tiếp giáp đường giao thông nông thôn, đường liên xã**		
11	**Đường nhựa Bắc Kênh Vĩnh An**	804	
12	**Tuyến dân cư Phú An A**	965	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
13	**Đường Tây Kênh Đào:** từ kênh Vĩnh An đến ranh xã Tân An	482	
14	**Đường nhựa Kênh Thần Nông:** đoạn từ chợ Phú Vĩnh đến Đường liên kết vùng	2.014	
15	**Đường nhựa Kênh Thần Nông:** đoạn từ Đường liên kết vùng đến ranh xã Phú Lâm	1.208	
16	**Đường đất kênh 26/3 (suốt tuyến)**	241	
17	**Đường bờ Nam kênh 30/4**	241	
18	**Khu dân cư Vĩnh Thạnh 2 + Nối dài**	638	
19	**Tuyến dân cư ấp Phú Hữu:** Đường tỉnh 953 đến Kênh 26/3	559	
20	**Cụm dân cư trung tâm Lê Chánh (các đường còn lại không đối diện UBND xã, chợ xã)**	1.149	
21	**Đường cộ ông Ba Phận:** từ Tỉnh lộ 953 đến Kênh 26/3	250	
22	**Đường cộ Mương Tri:** từ Tỉnh lộ 953 đến Quốc lộ N1	239	
23	**Đường kênh Đội Thành: từ** Bờ bắc kênh Vĩnh An đến Kênh 30/4	239	
24	**Đường nhựa liên xã:** Cầu Vàm kênh Vĩnh An đến ranh xã Tân An	780	
25	**Đường nhựa: từ** Phà Châu Giang cũ đến ranh xã Hòa Lạc	936	
26	**Tuyến dân cư Hòa Long (cụm dân cư Châu Giang, các nền còn lại)**	1.560	
27	**Cụm dân cư Phũm Soài + Mở rộng**	936	
28	**Tuyến dân cư Bắc Vĩnh An**	936	
29	**Tuyến dân cư Vĩnh Tường 1**	936	
30	**Tuyến dân cư Vĩnh Lợi 1, 2**	936	
31	**Khu dân cư bến đò Châu Phong Vĩnh Trường**	936	
32	**Tuyến dân cư Vĩnh Lợi 2 nối dài + mở rộng**	936	
33	**Đường Rọc Điên Điển**	234	

TT	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
34	**TDC di dời khẩn cấp:** Suốt tuyến	1.560	Bổ sung
35	**Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa**	344	Bổ sung
36	**Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa**	275	Bổ sung
37	**Các tuyến đường còn lại**	229	